

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2020
V/v “Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiên

2. Ông Bùi Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 2 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 22/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 12, khóm 1, phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; xin vắng mặt .

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh C**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 12, khóm 1, phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 2 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Vào tháng 6 năm 2006, chị T và anh Nguyễn Thanh C do mai mối của người quen nên quyết định cưới có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/10/2006 và Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 24/12/2012. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh C là do vợ chồng bất đồng quan điểm, khó khăn về kinh tế, thường xuyên cự cãi và đánh nhau nên vợ chồng dẫn đến ly thân không còn chung sống với nhau từ tháng 2 năm 2017 đến nay, tình cảm không thể hàn gắn lại được nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn anh C; về con đồng ý giao 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng vì hiện 02 con đang sống với anh C và chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn ở xa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh C; về con đồng ý giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/10/2006 và Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 24/12/2012 cho anh C nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Nguyễn Thanh C đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 06/5/2020, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Nguyễn Thanh C đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh C đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt và chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C do mai mối có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia

đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh C là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình hôn nhân, chị T và anh C thường xuyên cãi vã, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì đã ly thân thời gian dài không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn anh C là có căn cứ nên chấp nhận là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện ý kiến đối với việc chị T yêu cầu ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị T được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/10/2006 và Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 24/12/2012. Chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng và chị chưa phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp vì từ lúc ly thân đến nay 02 con do anh C nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu T và cháu Nh đều có ý kiến muốn sống với cha nên việc giao 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định và phát triển tâm sinh lý của các cháu sau này. Trong quá trình giải quyết vụ án bên phía bị đơn anh C không cung cấp ý kiến đến việc nuôi con thì có yêu cầu chị T cấp dưỡng không nên chưa có căn cứ để xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T, chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền ly hôn anh Nguyễn Thanh C.

2. Về con chung: Anh C được quyền nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23/10/2006 và Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 24/12/2012. Chị T chưa

phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010064 ngày 04/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị T đã nộp xong. Anh C không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAT. VL;
- VKSTX.BM;THADS.TXBM;
- UBND phường V;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Chí Cường